

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange

- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN MIDCAP/ Fund name: DCVFMVN MIDCAP ETF
- Mã ccq/Code: FUEDCMID
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 02/07/2025
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume/Amount	Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock	1,224,440,000	98.74%
1	BMP	100	1.13%
2	BSI	100	0.33%
3	BWE	100	0.39%
4	CII	1,000	1.19%
5	CMG	200	0.68%
6	CTD	100	0.68%
7	CTR	100	0.82%
8	DBC	500	1.40%
9	DCM	300	0.81%
10	DGC	500	4.07%
11	DGW	300	1.06%
12	DIG	1,100	1.52%
13	DPM	400	1.24%
14	DSE	300	0.56%
15	DXG	1,900	2.55%
16	EIB	3,300	6.00%
17	EVF	1,600	1.35%
18	FRT	200	2.90%
19	FTS	400	1.20%
20	GEX	1,500	4.48%
21	GMD	800	3.71%
22	HAG	1,000	1.06%
23	HCM	1,000	1.71%
24	HDC	300	0.61%
25	HDG	400	0.81%
26	HHV	800	0.80%
27	HSG	1,100	1.48%
28	KBC	1,100	2.33%
29	KDC	300	1.38%
30	KDH	1,300	3.09%
31	MSB	4,900	4.84%
32	NAB	2,500	3.40%
33	NKG	800	0.85%
34	NLG	600	1.89%
35	NT2	200	0.31%
36	OCB	3,100	2.95%
37	PAN	300	0.66%
38	PC1	600	1.05%
39	PDR	900	1.28%
40	PHR	100	0.49%
41	PNJ	600	4.04%
42	POW	1,200	1.26%
43	PTB	100	0.44%
44	PVD	600	0.96%
45	PVT	500	0.71%
46	REE	300	1.63%
47	SBT	1,000	1.59%
48	SCS	100	0.53%
49	SIP	200	1.11%
50	SJS	200	1.60%
51	SZC	200	0.62%
52	TCH	800	1.28%

STT Order	Mã chứng khoán Securities Symbol	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND) Volume/Amount	Tỷ lệ % trong danh mục Weighting
53	VCG	800	1.49%
54	VCI	900	2.57%
55	VGC	100	0.36%
56	VHC	200	0.95%
57	VIX	3,000	3.10%
58	VND	2,400	3.25%
59	VPI	300	1.26%
60	VTP	100	0.93%
II.	Tiền/ Cash (VND)	15,678,041	1.26%
III.	Tổng / Total (=I+II)	1,240,118,041	100%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoá đơn/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)	1,224,440,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND)	1,240,118,041
+ Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND)	15,678,041

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:	Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:	Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán Securities symbol	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND) Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Đối tượng áp dụng Applied investors	Lý do State the reason
HCM	23,375	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
PAN	30,195	SSI	Hạn chế giao dịch theo quy định điều 33 TT96/2020/TT-BTC/ Restriction of trading by Circular 196/2020/TT-BTC
VCI	38,940	VCSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
OCB	12,980	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	91,740	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	74,250	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 02/07/2025	Kỳ trước/Last period (**) 01/07/2025	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/Issued Shares	28,900,000	28,900,000	0
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	12,200	12,010	190
5. Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: của quỹ ETF/of the Fund	358,394,114,028	359,625,181,389	-1,231,067,361
của một lô ETF/per Creation Unit	1,240,118,041	1,244,377,790	-4,259,749
của một chứng chỉ quỹ/per Share	12,401.18	12,443.77	-42.59
6. Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	2,017.45	1,988.25	29.20

(*) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 01/07/2025 /(*) The criteria #5 is represented by NAV as at 01/07/2025

(**) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 30/06/2025/(**) The criteria #5 is represented by NAV as at 30/06/2025

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM/Fund Management Company DCVFM



LÊ HOÀNG ANH

Quyền Giám đốc Nghiệp vụ Hỗ trợ đầu tư

Ngày ký: 03/07/2025